

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐỢT TUYỂN SINH 1, NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 1057/QĐ-HĐTS ngày 21/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	ĐT UT	Mã Phương thức xét tuyển chuẩn	Điểm trúng tuyển
1. Ngành Giáo dục Mầm non							
1	180	Hà Kiều Anh	Nữ	02/01/2008	01	100	21,6
2	174	Lê Lương Hoài Anh	Nữ	28/07/2008	0	100	23,35
3	15	Trần Kim Anh	Nữ	25/12/1994	0	100	21
4	86	Triệu Thị Ánh	Nữ	08/09/1985	01	100	21,5
5	1	Nông Thị Bài	Nữ	25/10/1987	01	100	22
6	250	Trần Thị Bắc	Nữ	19/12/1976	0	100	20
7	31	Ma Thị Bền	Nữ	14/01/1986	01	100	21
8	38	Hà Thị Biên	Nữ	23/06/1987	01	100	24,5
9	215	Ma Thị Chất	Nữ	25/11/1989	01	100	22
10	24	Nguyễn Thị Dì	Nữ	24/04/1994	01	100	25,23
11	176	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	01/02/2006	01	100	21,75
12	32	Hoàng Thị Duyên	Nữ	15/06/1982	01	100	20
13	177	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	12/01/2004	01	100	24,87
14	68	Trần Thị Giang	Nữ	20/08/1980	01	100	20
15	121	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	20/08/1993	01	100	23
16	67	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	22/07/1987	01	100	21,5
17	83	Lê Thị Hằng	Nữ	24/02/1996	0	100	21
18	144	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	11/10/1993	01	100	21
19	58	Hoàng Thị Hiên	Nữ	11/01/1987	01	100	22
20	11	Hà Thị Hoa	Nữ	20/05/1985	0	100	22,5
21	241	Hoàng Thị Như Hoa	Nữ	25/04/1993	0	100	24,5
22	172	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	09/12/1993	0	100	21
23	278	Lữ Thị Hoan	Nữ	10/07/2008	01	100	24,25
24	135	Linh Thị Hòe	Nữ	17/07/1991	01	100	21,5
25	21	Đào Thị Hồng	Nữ	22/06/1984	0	100	22
26	159	Phùng Thị Hồng	Nữ	06/06/1987	01	100	24
27	163	Nông Kim Huệ	Nữ	15/10/1995	01	100	21
28	155	Hoàng Thị Huyền	Nữ	01/05/1990	01	100	24,5
29	139	Đặng Thị Hương	Nữ	26/09/1995	01	100	20,5
30	251	Hán Thị Thu Hương	Nữ	10/05/1994	0	100	23
31	45	Trương Thị Thu Hương	Nữ	23/10/1994	0	100	20
32	130	Quan Thị Hường	Nữ	22/05/1992	01	100	20,5
33	149	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	18/06/1988	0	100	21,5
34	142	Triệu Thị Lan	Nữ	26/03/1993	01	100	20,5
35	8	Mông Thị Lành	Nữ	22/03/1993	01	100	24,87
36	101	Hoàng Thị Loan	Nữ	09/01/1996	01	100	20
37	30	Nông Thị Luật	Nữ	19/08/1987	01	100	20
38	134	Sầm Thị Luyến	Nữ	22/07/1989	01	100	21
39	47	Lâm Thị Mạch	Nữ	28/08/1991	01	100	24,5

40	28	Ngô Thị Mai	Nữ	05/11/1987	0	100	22,5
41	253	Hoàng Thị Nga	Nữ	24/04/1994	01	100	22,5
42	81	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	10/10/1986	0	100	22,5
43	7	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/08/1981	0	100	21
44	49	Quan Thị Phương	Nữ	22/12/1994	01	100	25,23
45	64	Lương Thị Tâm	Nữ	25/10/1996	01	100	24,87
46	77	Trần Ánh Tuyết	Nữ	06/09/1990	0	100	23
47	82	Trần Thị Thanh	Nữ	03/03/1987	01	100	23
48	29	Công Thị Thảo	Nữ	28/02/1987	01	100	23,5
49	13	Tạ Thị Thắm	Nữ	21/7/0984	01	100	26,33
50	137	Trần Thị Thim	Nữ	15/08/1986	0	100	22,5
51	210	Nguyễn Thị Thu	Nữ	03/06/1985	0	100	20
52	279	Lữ Minh Thư	Nữ	30/09/2008	01	100	21,75
53	150	Trần Thị Minh Thư	Nữ	28/11/1990	0	100	20,5
54	20	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	11/10/1993	0	100	21,5
55	204	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	23/09/1995	0	100	20
56	273	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	22/01/2008	0	100	22,1
57	25	Nguyễn Thị Ánh Vân	Nữ	25/11/1993	01	100	22,5
58	50	Hoàng Thị Yên	Nữ	22/09/1993	01	100	22
59	2	Hứa Thị Yên	Nữ	18/04/1984	01	100	21
60	78	Nguyễn Hải Yên	Nữ	20/08/1986	0	100	20
61	39	Nguyễn Thị Yên	Nữ	06/05/1992	01	100	21
2. Ngành Giáo dục Tiểu học							
1	31	Nguyễn Bích Diệp	Nữ	02/03/2003	05a	100	24,11
2	25	Lương Văn Đông	Nam	24/04/1993	01	100	24,5
3	27	Nguyễn Ngọc Đức	Nữ	21/07/2003	0	100	24,5
4	19	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	13/11/1992	0	100	22
5	23	Phùng Thị Hương	Nữ	23/08/1995	01	100	21,5
6	26	Đặng Tổng Khánh Linh	Nữ	01/12/1995	0	100	20
7	33	Triệu Thị Khánh Linh	Nữ	12/04/2008	01	100	22,25
8	28	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	13/09/2008	0	100	21,5
9	1	Nguyễn Thị Trang	Nữ	11/04/1993	0	100	20
3. Ngành Sư phạm Ngữ văn							
1	13	Lê Mai Hương	Nữ	04/12/2007	01	100	24,25
4. Ngành Quản lý văn hoá							
1	13	Chu Thị Thúy Hà	Nữ	30/09/1981	05a	200	19,3
2	12	Thào Mí Lữ	Nam	10/06/2005	01	200	24,8
3	14	Nguyễn Thị Mười	Nữ	10/04/1987	01	200	21,91
5. Ngành Kế toán							
1	8	Nông Thị Chuẩn	Nữ	14/10/1990	01	200	17,5
2	9	Lê Quang Đức	Nam	13/09/1986	0	200	18,3
3	16	Trần Trung Hiếu	Nam	30/04/2004	0	200	18,47
4	2	Hoàng Thị Lý	Nữ	07/08/1991	01	200	21,63
5	15	Giang Thế Mạnh	Nam	02/12/2007	0	200	17,99
6	1	Triệu Thị Nga	Nữ	01/05/1998	05a	200	21,37
7	10	Nguyễn Nhã Phương	Nữ	15/02/1991	0	200	17,6
6. Ngành Công nghệ thông tin							
1	8	Phan Anh Châu	Nam	04/10/1995	0	200	21,9

2	3	Nguyễn Minh Đoàn	Nam	02/07/1985	0	200	20,21
3	14	Phan Văn Hùng	Nam	18/07/0996	01	200	18,9
4	11	Đỗ Đại Phú	Nam	15/07/2001	0	200	17,07
7. Ngành Dược học							
1	63	Đặng Thị Dịu	Nữ	12/10/1994	0	100	23
2	62	Phạm Thị Huệ	Nữ	03/02/1995	01	100	27,5
3	33	Hoàng Thị Hương	Nữ	29/12/1995	0	100	25
4	60	Đào Diệu Linh	Nữ	25/07/1995	0	100	24,5
5	64	Trần Hoài Nam	Nam	06/02/2004	0	100	24,7
6	40	Chu Thị Huyền Sâm	Nữ	20/12/1988	0	100	23,5
7	31	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	02/03/1995	0	100	23
8	45	Vũ Thị Thanh Tuyết	Nữ	15/11/1986	0	100	25
9	6	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/06/1988	0	100	20
10	43	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	16/05/1988	01	100	24
11	61	Phạm Hồng Vân	Nữ	03/11/1994	0	100	26
12	44	Phạm Thị Vân	Nữ	26/07/1987	0	100	21,5
7. Ngành Điều dưỡng							
1	4	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	06/12/1995	0	100	22
2	41	Mai Quang Huy	Nam	25/03/1991	0	100	23
3	100	Nguyễn Xuân Quý	Nam	03/11/1996	0	100	21
4	63	Bùi Trọng Toàn	Nam	10/04/1991	0	100	25,5
5	49	Trần Quốc Toàn	Nam	01/10/1991	01	100	23,5
6	44	Vũ Thị Thanh Tuyền	Nữ	15/07/1990	0	100	24,5
7	94	Đặng Xuân Thịnh	Nam	25/10/1997	0	200	20,87
II. CAO ĐẲNG							
1. Ngành Giáo dục Mầm non							
1	4	Bùi Thị Minh Chi	Nữ	07/07/2007	01	100	21,85
2	13	Đỗ Nguyễn Diệp Chi	Nữ	08/12/2008	0	100	18,7
3	3	Lý Ngọc Chi	Nữ	01/01/2003	01	100	19,25
4	16	Nguyễn Thị Duy	Nữ	02/01/2008	01	100	25,41
5	12	Phạm Thu Hiền	Nữ	29/10/1999	0	100	17,5
6	7	Nguyễn Thu Hoài	Nữ	23/09/1990	0	100	23,7
7	17	Chang Thị Máy	Nữ	28/06/2008	01	100	21,25
8	8	Ma Thị Nga	Nữ	03/08/2007	01	100	25
9	19	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	05/08/2008	0	100	23,23